TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: **76/**2024/DS- ST Ngày 28 tháng 6 năm 2024 *V/v "T/c hợp đồng tín dụng"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Sỹ Danh Huệ**

2. Ông **Nguyễn Quang Ngà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HPT ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; Địa chỉ trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí Dũng - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn Anh- Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm Thu hồi nợ KHDN và Xử lý nợ pháp lý; Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Bùi Quang Anh; ông Nguyễn Tiến Tiến theo Văn bản ủy quyền số 7024/2024/UQ-VPB ngày 26/6/2024. (ông Tiến, ông Quang Anh có mặt)

* Bị đơn: anh **Mai Văn D**, sinh năm 1992 và chị **Nguyễn Thị Hương L**, sinh năm 1997. Địa chỉ: đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. (anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông **Mai Văn D**, sinh năm 1966; bà **Trần Thị H**, sinh năm 1968; cháu Mai Quỳnh N, sinh năm 2015; cháu Mai Tuấn A, sinh năm 2016 và cháu Mai Hải B, sinh năm 2022; địa chỉ: đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội (người đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu Tuấn A và cháu B là chị L – mẹ đẻ);

Bị đơn anh Mai Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hương L và ông Dung, bà Hồng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt liên tiếp lần 2 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L vay của Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là VPBank) với số tiền là 1.020.000.000 đồng theo các Hợp đồng cho vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021. Số tiền vay: 990.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên Vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh gia công và buôn bán quần áo; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày 01/06/2021. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/12/2021, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.VPBank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm.

- Lãi suất quá hạn:

a) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

b) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tỉnh trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của Bên Vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

2. Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 hạn mức 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 17/05/2021.

* Tài sản bảo đảm của các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 449; tờ bản đồ số: 44; tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng theo "Giấy chứng nhận

Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BK 777785, Số vào sổ cấp GCN: CH 03766 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2013; Ngày 10/06/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội và các phụ lục, thỏa thuận khác kèm theo (nếu có).

- Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay. Tạm tính đến ngày 28/6/2024, anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L còn nợ VPBank theo:

Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 là: Nợ gốc: 830.500.000 đồng; Nợ lãi: 364.023.016 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 26.062.986 đồng; lãi quá hạn: 337.960.030 đồng); lãi chậm trả: 5.576.765 đồng. Tổng khoản vay 1: 1.200.099.781 đồng;

Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: 28.975.287 đồng; Nợ lãi: 39.003.239 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 39.003.239 đồng); lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng khoản vay 2: 67.978.526 đồng;

Tổng hai khoản nợ: 1.268.078.307 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của VPBank, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết các vấn đề sau:

a. Yêu cầu Tòa án buộc anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng vay nêu trên, tạm tính đến ngày 28/6/2024:

Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 là: Nợ gốc: 830.500.000 đồng; Nợ lãi: 364.023.016 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 26.062.986 đồng; lãi quá hạn: 337.960.030 đồng); lãi chậm trả: 5.576.765 đồng. Tổng khoản vay 1: 1.200.099.781 đồng;

Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: 28.975.287 đồng; Nợ lãi: 39.003.239 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 39.003.239 đồng); lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng khoản vay 2: 67.978.526 đồng;

Tổng hai khoản nợ: 1.268.078.307 đồng.

b. Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận kể từ ngày 29/6/2024 theo các Hợp đồng vay nêu trên cho đến ngày anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

c. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án: VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản của anh D và chị L để thu hồi nợ cho VPBank, trong đó có tài sản bảo đảm cụ thể là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài

sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 449; tờ bản đồ số: 44; tại địa chỉ: Đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BK 777785, số vào sổ cấp GCN: CH 03766 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2013; Ngày 10/06/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội và các phụ lục, thỏa thuận khác kèm theo.

d. Trong trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, anh D và chị L có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ cho VPBank đến khi các khoản nợ được tất toán.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

* Bị đơn là anh Mai Văn D đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và có quan điểm giải quyết vụ án: Tôi và vợ tôi là chị Nguyễn Thị Hương L vay vốn của VPBank với số tiền là 1.020.000.000 đồng theo các Hợp đồng cho vay như sau:

1. Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021. Số tiền vay: 990.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên Vay; Mục đích sử dụng vốn: Vay đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh gia công và buôn bán quần áo; Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 8%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); Cơ chế điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn sẽ được cố định trong vòng 06 tháng kể từ ngày 01/06/2021. Hết thời hạn 06 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/12/2021, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/01/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.VPBank.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3%/năm.

- Lãi suất quá hạn:

a) Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản nợ gốc của Bên vay bị chuyển quá hạn đến khi Bên vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.

b) Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất này được áp dụng kể từ thời điểm khoản tiền lãi của bên vay bị chuyển quá hạn đến khi bên vay thanh toán hết khoản tiền lãi quá hạn.

2. Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 hạn mức 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng chẵn) theo Giấy đề nghị vay vốn ngày 17/05/2021.

***** Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, gia đình tôi có thế chấp tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 449; tờ bản đồ số: 44; tại địa chỉ: đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BK 777785, số vào sổ cấp GCN: CH 03766 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2013; Ngày 10/06/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội và các phụ lục, thỏa thuận khác kèm theo.

- Quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng tôi có trả được một ít gốc và lãi nhưng sau đó do tôi vi phạm pháp luật, bị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 07 năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" nên không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tôi xác nhận khoản vay trên là đúng, không thắc mắc gì về cách tính lãi của Ngân hàng đối với khoản vay trên. Nay hoàn cảnh tôi quá khó khăn, đề nghị Ngân hàng giãn nợ, giảm lãi, tạo điều kiện cho vợ chồng tôi có điều kiện trả nợ dần.

Tôi đã nhận được thông báo về thụ lý vụ án và thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và không có ý kiến gì. Tôi đề nghị Toà án và Ngân hàng xem xét hoàn cảnh để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho chúng tôi. Do hiện nay tôi đang bị tạm giam, không đến Toà tham gia hoà giải và xét xử nên tôi đề nghị Toà án giải quyết vụ án vắng mặt tôi.

* Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Nguyễn Thị Hương L, ông Mai Văn Dung và bà Trần Thị Hồng đều được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án. Bị đơn là anh Mai Văn D có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Thông báo bổ sung người tham gia tố tụng; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 12 tháng 6 năm 2024 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ 1. Phiên tòa được mở lại vào ngày ngày 28 tháng 6 năm 2024 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 317, 318, 319, 320, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh D, chị L phải thanh toán cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/6/2024 theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 là 1.268.078.307 đồng; Và buộc bị đơn tiếp tục phải chịu lãi suất theo lãi được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 cho đến khi anh D, chị L trả hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi. Ông Mai Văn Dung và bà Trần Thị Hồng đã tự nguyện dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của anh D, chị L tại Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp nêu trên được giao kết theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán số nợ tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 được ký giữa VPBank với anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L, mục đích vay: Vay đầu tư TSCĐ phục vụ kinh doanh gia công và buôn bán quần áo. Do bị đơn không có đăng ký kinh doanh, vậy xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh D, chị L có địa chỉ tại xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội. Do bị đơn không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ từ ngày 15/8/2019, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ nhưng bị đơn không trả được nợ. Vì vậy, ngày 27/7/2023, VPBANK đã khởi kiện anh D, chị L đến Tòa án nhân dân huyện Q, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh D, chị L phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Trong vụ án này: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; giao dịch dân sư giữa các đương sự được thực hiện khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 được ký giữa VPBank với bị đơn; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi giữa Bên thứ ba và Ngân hàng. Theo đó VPBank đã giải ngân cho anh D, chị L tổng số tiền là: 1.020.000.000 đồng thông qua khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh D, chị L đã trả nợ được cho VPBank số tiền: Gốc: 378.148.024 đồng; Lãi: 130.004.223 đồng. Anh D, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/8/2019. Vì vậy, VPBank đã chuyển toàn bộ nợ của anh D, chị L sang nợ quá hạn theo quy định. Và từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay anh D, chị L không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho VPBank.

[3] Tại phiên tòa hôn nay, VPBank xác nhận bị đơn còn nợ số tiền tính đến ngày 28/6/2024 là:

Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 là: Nợ gốc: 830.500.000 đồng; Nợ lãi: 364.023.016 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 26.062.986 đồng; lãi quá hạn: 337.960.030 đồng); lãi chậm trả: 5.576.765 đồng. Tổng khoản vay 1: 1.200.099.781 đồng;

Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: 28.975.287 đồng; Nợ lãi: 39.003.239 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 39.003.239 đồng); lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng khoản vay 2: 67.978.526 đồng;

Tổng hai khoản nợ: 1.268.078.307 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 và Khế ước nhận nợ được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 và Khế ước nhận nợ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/8/2019 nên VPBank khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho VPBank số tiền còn nợ tính đến ngày 28/6/2024 là:

Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 là: Nợ gốc: 830.500.000 đồng; Nợ lãi: 364.023.016 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 26.062.986 đồng; lãi quá hạn: 337.960.030 đồng); lãi chậm trả: 5.576.765 đồng. Tổng khoản vay 1: 1.200.099.781 đồng;

Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: 28.975.287 đồng; Nợ lãi: 39.003.239 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 39.003.239 đồng); lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng khoản vay 2: 67.978.526 đồng;

Tổng hai khoản nợ: 1.268.078.307 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận; Do đó, việc VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ trên là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp số 2422/2021, quyển số: 02-2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25/05/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi, thành phố Hà Nội được ký giữa bên thế chấp thứ

ba (ông Dung, bà Hồng) và VPBank. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi chứng nhận ngày 25/05/2021. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 449; tờ bản đồ số: 44; tại địa chỉ: đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BK 777785, Số vào sổ cấp GCN: CH 03766 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2013; Ngày 10/06/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa bị đơn, VPBank là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và ông Dung, bà Hồng cũng tự nguyện thế chấp tài sản của mình để bảo đảm cho khoản vay tại Ngân hàng, xác nhận thế chấp vào ngày đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 23/3/2021 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q. Việc ông Dung, bà Hồng ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Vì vậy có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Yêu cầu của VPBank đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ các Điều Điều 317, 318, 319, 320, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về "Giao dịch bảo đảm"; căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP

ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng T.**

- Buộc anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 tạm tính đến ngày 28 tháng 6 năm 2024 là: Hợp đồng cho vay số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 là: Nợ gốc: 830.500.000 đồng; Nợ lãi: 364.023.016 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 26.062.986 đồng; lãi quá hạn: 337.960.030 đồng); lãi chậm trả: 5.576.765 đồng. Tổng khoản vay 1: 1.200.099.781 đồng; Nợ thẻ tín dụng: Nợ gốc: 28.975.287 đồng; Nợ lãi: 39.003.239 đồng (trong đó: Lãi trong hạn: 0 đồng; lãi quá hạn: 39.003.239 đồng); lãi chậm trả: 0 đồng. Tổng khoản vay 2: 67.978.526 đồng. Tổng hai khoản nợ là: 1.268.078.307 đồng.

Kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2024, anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại theo Hợp đồng tín dụng số LN2105183752448 ký ngày 25/05/2021 và Hợp đồng thẻ tín dụng số 133-P-0792734 mà hai bên đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn cho vay.

2. Trường hợp anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: *Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số: 449; tờ bản đồ số: 44; tại địa chỉ: đội 4, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố Hà Nội, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng theo "Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BK 777785, số vào sổ cấp GCN: CH 03766 do Ủy ban nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/12/2013; Ngày 10/06/2019 tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh huyện Q chuyển nhượng cho ông Mai Văn Dung và vợ là bà Trần Thị Hồng*. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Mai Văn D và chị Nguyễn Thị Hương L phải chịu **50.042.349** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.000.000 đồng theo biên lai thu số 0019754 ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

5. **Quyền kháng cáo**: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long